TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-PT
Ngày 05-3-2019
V/v tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Lê Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 02 và 05 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLPT-DS về việc "tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông ĐỖ HỮU H, sinh năm 1978; thường trú: Số 45C, đường Nguyễn HĐ, Phường 2, thành phố MT, tỉnh TG; địa chỉ liên lạc: Số 72/1, đường PNT, Phường 6, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung, sinh năm 1992; thường trú: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh TG; địa chỉ liên lạc: Số 72/1, đường P, Phường 6, Quận 3, Thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 29/5/2018).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến Lâm sản T (Công ty T); địa chỉ: Tổ 23, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn Thạnh, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 23, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh D. (văn bản ủy quyền ngày 28/5/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 307B/27, tổ 27, khu phố khu phố N, phường A, thị xã D, tỉnh D.

2. Bảo hiểm xã hội thị xã D; địa chỉ: Khu trung tâm hành chính thị xã Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trịnh Thị Thùy Trang, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu trung tâm hành chính thị xã Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 30/5/2018).

3. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H; địa chỉ: Khu trung tâm hành chính thị xã D, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp: Ông S - chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất gỗ ghép Thương mại Dịch vụ GT; địa chỉ: Số 72B, đường 24, phường B, Quận E, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Tổ 23, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Phương Thảo, chức vụ: Giám đốc.

5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gỗ V; trụ sở: Số 11B2, tổ 14, khu phố 11, phường A, thành phố H, tỉnh Đ; địa chỉ chi nhánh: 49/6 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Giám đốc.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông ĐỖ HỮU H và bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến Lâm sản Trường Tài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông ĐỖ HỮU H trình bày:

Ngày 28/10/2014, ông H mua nhà xưởng của Công ty T tại tổ 23, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh D với giá 57.200.000 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng); ông H đã thanh toán đủ số tiền 57.200.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000176

ngày 30/10/2014. Hai bên thống nhất giữ nguyên hiện trạng tài sản trên đất (đất thuê của người khác) của Công ty T để cùng tiếp tục hợp tác làm ăn.

Đến năm 2015, ông H đã đầu tư, sửa chữa, thay đổi tính năng hoạt động của nhà xưởng với số tiền 315.000.000 đồng; và đến năm 2018, ông H tiếp tục đầu tư, sửa chữa với số tiền là 51.131.719 đồng.

Năm 2015, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D kê biên cưỡng chế nhà xưởng của Công ty T (đã bán cho ông H ở trên); do đó, ông H khởi kiện Công ty

T yêu cầu Tòa án công nhận nhà xưởng ông H đã mua của Công ty T thuộc quyền sở hữu của ông H.

- Bị đơn Công ty T trình bày:

Do gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên ngày 28/10/2014, Công ty T đã bán toàn bộ nhà xưởng cho ông H với giá 57.200.000 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng) để Công ty T có tiền trả nợ cho Bảo hiểm xã hội thị xã D, thực hiện nghĩa vụ với cơ quan thuế, tiền án phí của Cơ quan thi hành án. Việc Công ty T bán nhà xưởng và sử dụng số tiền bán được để thanh toán các khoản nợ là hoàn toàn hợp pháp, đề nghị Tòa án công nhận tài sản là toàn bộ nhà xưởng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông H.

Từ năm 2015 đến nay, ông H đã đầu tư, sửa chữa, thay đổi tính năng hoạt động của nhà xưởng với số tiền 366.131.719 đồng; số tiền này là của cá nhân ông H, không liên quan đến Công ty T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Đại diện Bảo hiểm xã hội thị xã D trình bày: Theo Bản án số 30/2013/LĐST ngày 23/8/2013 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh D về việc tranh chấp tiền bảo hiểm xã hội giữa Bảo hiểm xã hội thị xã D với Công ty T thì Công ty T có nghĩa vụ phải thanh toán cho Bảo hiểm xã hội thị xã D số tiền 125.496.428 đồng. Tính đến ngày 15/5/2018, Bảo hiểm xã hội thị xã D đã nhận đủ số tiền thi hành án là 125.496.428 đồng; Bảo hiểm xã hội thị xã D không có ý kiến, không có liên quan gì đến vụ án.

2. Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D trình bày: Công ty T bán tài sản và xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với toàn bộ nhà xưởng cho ông H nhưng trong hóa đơn giá trị gia tăng không thể hiện diện tích, kết cấu nhà xưởng và tài sản được bán sau khi có bản án của Tòa án. Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

3. Bà trần thị Th trình bày: Bản án dân sự số 31/2015/DS-PT ngày 06/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã buộc Công ty T phải có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền 1.087.845.000 đồng nhưng đến nay chưa thi hành. Theo Quyết định số 67/2013/QĐST-DS ngày 16/7/2013 của Tòa án nhân dân thị xã D thì Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền 1.606.382.500 đồng nhưng Công ty T chỉ trả được 32.000.000 đồng.

Hiện nay, Công ty T đã cho người khác thuê trụ sở và có thu tiền hàng tháng nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Th; bà Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

4. Đại diện Công ty TNHH gỗ V (Công ty gỗ V) trình bày: Ngày 01/8/2017, Công ty gỗ V và Công ty T ký hợp đồng nguyên tắc cưa, sấy gỗ gia dụng (hợp đồng số 02/HĐGC/2017). Quá trình hợp tác, Công ty gỗ V không có tôn tạo, đầu tư sửa chữa nhà xưởng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, Công ty T không có liên quan, quyền lợi của công ty không bị ảnh hưởng, do đó Công ty T không có ý kiến hay yêu cầu gì.

5. Đại diện Công ty TNHH sản xuất gỗ ghép TMDV G (sau đây gọi tắt là Công ty G) trình bày: Ngày 15/4/2018, Công ty G và Công ty T ký hợp đồng hợp tác kinh doanh. Quá trình hợp tác, Công ty Gia Thịnh chỉ sử dụng mặt bằng của Công ty T, không có tôn tạo, đầu tư sửa chữa nhà xưởng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty không có liên quan, quyền lợi của Công ty không bị ảnh hưởng, do đó Công ty không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh D đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu H với Công ty TNHH Chế biến Lâm sản T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc tài sản, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, bị đơn Công ty T và ngày 22 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn ông ĐỖ HỮU H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông H và người đại diện hợp pháp của Công ty T thừa nhận ông H và Công ty T ký "văn bản thỏa thuận hợp tác" ngày 03/11/2014; trên cơ sở văn bản này, ông H giao cho Công ty T số tiền 57.200.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000176 ngày 30/10/2014; việc phân chia lợi nhuận theo hợp đồng ký ngày 03/11/2014 thuộc chuyện riêng tư của hai bên nên không trình bày rõ cho Tòa án biết.

Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và thống nhất đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu tài sản tranh chấp là của ông H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà trần thị th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Th là phù hợp.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng không hủy hợp đồng, không xác định tài sản tranh chấp là của ai (của ông H hay Công ty T) nên không thể thi hành án được; ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không làm việc với vợ ông H để xác định quyền lợi của vợ ông H trong số tài sản do ông H đưa vào hợp tác kinh doanh, như vậy, quyền lợi của vợ ông H vẫn còn nên vợ ông H có quyền khởi kiện lại vụ án, từ những phân tích trên, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thị xã D, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất gỗ ghép Thương mại Dịch vụ G, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gỗ V có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà trần thị th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông H khởi kiện bị đơn Công ty T với yêu cầu Tòa án công nhận tài sản (nhà xưởng) là thuộc quyền sở hữu của ông H, vì ông H đã mua theo hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty T lập ngày 28/10/2014 nhưng đến năm 2015, cơ quan thi hành án dân sự kê biên cưỡng chế tài sản ông H đã mua. Công ty T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông H. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D và bà Th) không chấp nhận yêu cầu của ông H, vì cho rằng Công ty T tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đều thừa nhận đã ký "Văn bản thỏa thuận hợp tác" ngày 03/11/2014 (bút lục số 290), thực hiện theo thỏa thuận ông H đã giao cho Công ty T số tiền 57.200.000 đồng (hóa đơn giá trị gia tăng số 0000176 ngày 30/10/2014) và sửa chữa nhà xưởng với số tiền 366.131.719 đồng; Công ty T vẫn đang quản lý nhà xưởng, hai bên đương sự không trình bày về việc thực hiện phân chia lợi nhuận theo văn bản thỏa thuận hợp tác. Văn bản thỏa thuận hợp tác lập ngày 03/11/2014, có nội dung sau: *Ông H mua tài sản thanh lý của Công ty T, hai bên cùng nhau khai thác tài sản và phân chia lợi nhuận; Công ty T có trách nhiệm bảo vệ, bảo quản tài sản, tìm kiếm khách hàng, chịu trách nhiệm sản xuất, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động quản trị, điều hành... ông H có trách nhiệm bỏ tiền sửa chữa nhà xưởng, thay lợp lại mái tôn, chịu trách nhiệm toàn bộ chi phí sửa chữa nhà xưởng trong thời gian hợp tác... trong mọi trường hợp với bất kỳ kết quả kinh doanh lãi hoặc lỗ thì ông H đều được chia lợi nhuận cố định bằng 12% trên mỗi hợp đồng gia công... thời hạn của hợp đồng là 07 năm kể từ ngày 03/11/2014...".* Như vậy, bản chất của vụ án là giao dịch giữa ông H và Công ty T, giao dịch này có liên quan đến "tài sản thi hành án" theo quy định tại Điều 75 Luật thi hành án dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là "tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án" là chưa đầy đủ, từ đó dẫn đến việc xác minh thu thập chứng cứ và giải quyết vụ án không đúng bản chất của quan hệ pháp luật tranh chấp, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự, gây khó khăn cho việc thi hành án.

Ông H đem tài sản để hợp tác, kinh doanh với Công ty T trong một thời hạn nhất định, thỏa thuận chia lợi nhuận trên cơ sở vốn góp; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp liên quan đến phần tài sản của ông H mà không hỏi ý kiến của bà Nguyễn Việt Tú A (vợ ông H) là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà A.

Xét Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết vụ án chưa toàn diện; Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại cho đúng quy định của pháp luật. Khi giải quyết lại vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định rõ loại giao dịch giữa ông H và Công ty T là loại giao dịch nào (loại hợp đồng nào theo quy định của Bộ luật dân sự), xem xét đánh giá giao dịch giữa ông H và Công ty T hợp pháp hay không hợp pháp. Đồng thời, áp dụng quy định tại Điều 75 Luật Thi hành án dân sự để làm rõ ý kiến của Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D và bà Th là "có yêu cầu hủy giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án" hay không. Khi đã làm rõ các vấn đề trên, nếu giao dịch không hợp pháp thì tuyên bố giao dịch vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu; trường hợp ngược lại thì phải tuyên bố giao dịch có hiệu lực để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chủ sở hữu tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hủy bản án sơ thẩm là phù hợp với pháp luật.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông ĐỖ HỮU H và bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến Lâm sản T.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả lại cho ông ĐỖ HỮU H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0020339 và trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến Lâm sản T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0020342 ngày 29/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND thị xã Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Đa

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

Lê Thị Kim Anh **Nguyễn Trung Dũng**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Đa